

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2019
V/v tranh chấp: “Không công nhận
là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Trần Văn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “ Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp P 1, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp P 1, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Bà H có mặt, ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống vào năm 1995, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình, bà khuyên can nhiều lần nhưng ông M không nghe. Từ năm 2015 ông bà sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ. Nay bà đề nghị Tòa án xét xử không công nhận bà và ông M là vợ chồng.

- Con chung: Có 02 cháu là Nguyễn Huyền Ch, sinh ngày 26/3/1996 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 10/6/2002. Nếu Tòa án xét xử, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng D, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Huyền Ch đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:* Ông và bà Trần Thị H tự nguyện chung sống vào năm 1995, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ngoài ra do ông thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn dẫn đến ông và bà H bất hòa. Từ năm 2015 ông bà sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ. Nay bà H yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận ông và bà H là vợ chồng, ông đồng ý.

- Con chung: Có 02 cháu là Nguyễn Huyền Ch, sinh ngày 26/3/1996 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 10/6/2002. Nếu Tòa án xét xử, ông đồng ý giao cháu D cho bà H nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Ch đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận việc nên ông xin vắng mặt khi hòa giải, xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H tự nguyện chung sống vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Nay bà H yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với ông M, xin được nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 10/6/2002, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 8, 9, 14, 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn M có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Bà Trần Thị H yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Văn M do ông bà chung sống vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông M cư trú tại ấp P 1, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định “Không công nhận là vợ chồng”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Trần Thị H, bị đơn là ông Nguyễn Văn M.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H chung sống với ông Nguyễn Văn M vào năm 1995, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 nên hôn nhân trên không được xem là hợp pháp. Nay bà H yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với ông M, tại hồ sơ ông M đồng ý. Xét yêu cầu của bà H là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà H khai bà và ông M có 02 con chung là Nguyễn Huyền Ch, sinh ngày 26/3/1996 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 10/6/2002.

Tại phiên tòa, bà H xin được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, tại hồ sơ ông M đồng ý. Xét thấy cháu Dung có nguyện vọng được sống với mẹ, thực tế từ khi ông M và bà H sống ly thân thì cháu Dung sống cùng bà H đến nay. Vì vậy cần giao cháu Dung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Ch đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

[5]. Tài sản chung: Bà H, ông M khai tự thỏa thuận nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Bà H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986, Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc “Không công nhận là vợ chồng” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M.

1. Xử: Không công nhận bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 10/6/2002 cho bà H nuôi dưỡng. Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000965 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai

